

THÔNG TIN TUYỂN SINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM NĂM 2025

(Cập nhật: 09/04/2025)

Trường Đại học Đại Nam (mã trường DDN) thông báo tuyển sinh hệ Đại học chính quy năm 2025.

Trường Đại học Đại Nam công bố thông tin tuyển sinh năm 2025, theo đó Trường tuyển sinh 9500 chỉ tiêu cho 43 ngành/chương trình đào tạo với 03 phương thức xét tuyển.

1. Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước

2. Mã trường: DDN

3. Chỉ tiêu tuyển sinh: 9475

4. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

5. Phương thức tuyển sinh

- **Phương thức 1:** Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT 2025
- **Phương thức 2:** Xét tuyển học bạ lớp 12 THPT
- **Phương thức 3:** Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT và Nhà trường

Ghi chú: Việc quy đổi các phương thức xét tuyển về cùng một đầu điểm 30 được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Điều kiện xét tuyển

Phương thức 1: Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT 2025

Xét điểm thi tốt nghiệp THPT 2025 của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển

- Điểm xét tuyển = (Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3) + Điểm UT (nếu có).

Điểm ưu tiên: Điểm ưu tiên khu vực và đối tượng (theo Quy chế tuyển sinh hiện hành).

Ngưỡng đảm bảo chất lượng (điểm sàn) của Phương thức 1: Điểm xét tuyển đạt mức điểm sàn do Trường quy định sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025, riêng Khối ngành Sức khỏe do Bộ GD&ĐT quy định.

Phương thức 2: Xét tuyển học bạ lớp 12 THPT

Xét điểm học bạ cả năm lớp 12 THPT của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển

- Điểm xét tuyển = (Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3)

Trong đó:

- Điểm môn 1 = Điểm trung bình cả năm lớp 12 của môn 1
- Điểm môn 2 = Điểm trung bình cả năm lớp 12 của môn 2
- Điểm môn 3 = Điểm trung bình cả năm lớp 12 của môn 3

Lưu ý: Nhà trường không cộng điểm ưu tiên đối với phương thức xét học bạ.

Ngưỡng đảm bảo chất lượng (điểm sàn) của Phương thức 2 được quy định như sau:

- Ngành Y khoa, Dược học phải có học lực lớp 12 xếp loại Giỏi và tổng điểm 3 môn theo tổ hợp xét tuyển đạt từ 24 điểm trở lên.
- Ngành Điều dưỡng phải có học lực lớp 12 xếp loại Khá trở lên và tổng điểm 3 môn theo tổ hợp xét tuyển đạt từ 19,5 điểm trở lên.
- Các ngành còn lại: Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp xét tuyển đạt từ 18 điểm trở lên.

Phương thức 3: Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT và Nhà trường

Tuyển thẳng thí sinh đạt các yêu cầu về xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT và Trường Đại học Đại Nam.

7. Chỉ tiêu tuyển sinh, tổ hợp môn xét tuyển và học phí

Chỉ tiêu tuyển sinh, tổ hợp môn xét tuyển và học phí của Trường Đại học Đại Nam năm 2025 (được tính theo kỳ học, mỗi năm có 03 học kỳ). Thông tin chi tiết được trình bày trong bảng dưới đây:

CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2025

MÃ TRƯỜNG: DDN

CHỈ TIÊU: 9475



ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI TRÀ

TT	NGÀNH HỌC		MÃ NGÀNH	TỔ HỢP XÉT TUYỂN	THỜI GIAN ĐÀO TẠO	CHỈ TIÊU	HỌC PHÍ (triu đồng / kỳ học)
A. KHỐI NGÀNH SỨC KHỎE							
1	Y khoa	Đào tạo SV Việt Nam	7720101	A00 - B00 - B03 - B04 - B08 - D07 - X13	6 năm (18 kỳ)	315	32
		Đào tạo SV Ấn Độ				100	1.500 USD
2	Dược học		7720201	A00 - B00 - B08 - C02 - D07 - X09 - X10	4,5 năm (14 kỳ)	1050	14,5
3	Điều dưỡng		7720301	A00 - B00 - B03 - C02 - C14 - D07 - X01	3,5 năm (11 kỳ)	335	11
B. KHỐI NGÀNH KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ							
4	Công nghệ thông tin		7480201	A00 - A01 - C01 - D01 - D07 - X06 - X26	3,5 năm (11 kỳ)	700	11,9
5	Khoa học máy tính		7480101	A00 - A01 - C01 - D01 - D07 - X06 - X26	4 năm (12 kỳ)	50	11
6	Hệ thống thông tin		7480104	A00 - A01 - C01 - D01 - D07 - X06 - X26	3,5 năm (11 kỳ)	50	11
7	Công nghệ kỹ thuật ô tô		7510205	A00 - A01 - A10 - C01 - D01 - D07 - X05	4 năm (12 kỳ)	350	12,9
8	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử		7510301	A00 - A01 - A10 - C01 - D01 - D07 - X05	4 năm (12 kỳ)	160	11
9	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử		7510203	A00 - A01 - A10 - C01 - D01 - D07 - X05	4 năm (12 kỳ)	100	11
10	Kiến trúc		7580101	A00 - A01 - A10 - C01 - D01 - V00 - X05	4,5 năm (14 kỳ)	30	11
11	Kỹ thuật xây dựng		7580201	A00 - A01 - A10 - C01 - D01 - D07 - X05	4 năm (12 kỳ)	25	11
12	Kinh tế xây dựng		7580301	A00 - A01 - A10 - C01 - D01 - D07 - X05	4 năm (12 kỳ)	25	11
13	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá - Chuyên ngành Công nghệ bán dẫn - Chuyên ngành Tự động hoá công nghiệp		7510303	A00 - A01 - A10 - C01 - D01 - D07 - X05	4 năm (12 kỳ)	200	12,9
C. KHỐI NGÀNH KINH TẾ - KINH DOANH							
14	Quản trị kinh doanh		7340101	A00 - A01 - C01 - C03 - C04 - D01 - D07	3 năm (9 kỳ)	380	14,5
15	Quản trị nhân lực		7340404	A00 - A01 - C01 - C03 - C04 - D01 - D07	3 năm (9 kỳ)	120	14,5
16	Marketing - Chuyên ngành Digital Marketing		7340115	A00 - A01 - C01 - C03 - C04 - D01 - D07	3 năm (9 kỳ)	480	14,5
17	Kinh doanh quốc tế		7340120	A00 - A01 - C01 - C03 - C04 - D01 - D07	3 năm (9 kỳ)	50	14,5
18	Thương mại điện tử		7340122	A00 - A01 - C01 - C03 - C04 - D01 - X26	3 năm (9 kỳ)	180	14,5
19	Kinh tế - Chuyên ngành Kinh tế đầu tư - Chuyên ngành Kinh tế tài chính tiền tệ		7310101	A00 - A01 - C01 - C03 - C04 - D01 - X26	3 năm (9 kỳ)	50	13,5
20	Kinh tế số - Chuyên ngành Kinh doanh số - Chuyên ngành Phân tích dữ liệu kinh doanh		7310109	A00 - A01 - C01 - C03 - C04 - D01 - X26	3 năm (9 kỳ)	50	13,5
21	Tài chính - Ngân hàng		7340201	A00 - A01 - C01 - C03 - C04 - D01 - X26	3 năm (9 kỳ)	140	14,5
22	Công nghệ tài chính (Fintech) - Công nghệ Blockchain và tiền mã hóa - Ngân hàng số thanh toán điện tử		7340205	A00 - A01 - C01 - C03 - C04 - D01 - X26	3 năm (9 kỳ)	100	14,5
23	Logistics & quản lý chuỗi cung ứng		7510605	A00 - A01 - C01 - C03 - C04 - D01 - X26	3 năm (9 kỳ)	250	14,5
24	Kế toán		7340301	A00 - A01 - C01 - C03 - C04 - D01 - X26	3 năm (9 kỳ)	180	14,5

D. KHỐI NGÀNH KHOA HỌC XÃ HỘI NHÂN VĂN VÀ NGÔN NGỮ						
25	Tâm lý học	7310401	B03 - C00 - C01 - C03 - C04 - D01 - X01	3 năm (9 kỳ)	120	14,5
26	Luật	7380101	C00 - C03 - C04 - C14 - D01 - D14 - X01	3 năm (9 kỳ)	110	14,5
27	Luật kinh tế	7380107	C00 - C03 - C04 - C14 - D01 - D14 - X01	3 năm (9 kỳ)	140	14,5
28	Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành	7810103	C00 - C03 - C04 - D01 - D14 - D15 - X01	3 năm (9 kỳ)	250	14,5
29	Quản trị khách sạn	7810201	C00 - C03 - C04 - D01 - D14 - D15 - X01	3 năm (9 kỳ)	100	14,5
30	Truyền thông đa phương tiện	7320104	C00 - C01 - C03 - C04 - C14 - D01 - X01	3 năm (9 kỳ)	380	14,5
31	Quan hệ công chúng	7320108	C00 - C01 - C03 - C04 - C14 - D01 - X01	3 năm (9 kỳ)	160	14,5
32	Ngôn ngữ Anh	7220201	C00 - D01 - D14 - D15 - D66 - X78 - X79	3,5 năm (11 kỳ)	550	12,9
33	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	C00 - D01 - D04 - D14 - D15 - D66 - X78	3,5 năm (11 kỳ)	800	12,9
34	Ngôn ngữ Nhật	7220209	C00 - D01 - D06 - D14 - D15 - D66 - X78	3,5 năm (11 kỳ)	85	14,5
35	Ngôn ngữ Hàn Quốc - Chuyên ngành Tiếng Hàn biên phiên dịch - Chuyên ngành Tiếng Hàn kinh doanh thương mại	7220210	C00 - D01 - DD2 - D14 - D15 - D66 - X78	3,5 năm (11 kỳ)	480	12,9

E. KHỐI NGÀNH MỸ THUẬT VÀ THIẾT KẾ						
36	Thiết kế đồ họa - Chuyên ngành Đồ họa đa phương tiện - Chuyên ngành Thiết kế Game - Hoạt hình - Chuyên ngành Thiết kế trang trí Nội thất	7210403	C01 - C03 - C04 - C14 - D01 - H01 - X01	3 năm (9 kỳ)	300	14,5

ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT QUỐC TẾ

TT	NGÀNH HỌC	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP XÉT TUYỂN	THỜI GIAN ĐÀO TẠO	CHỈ TIÊU	HỌC PHÍ TẠI DNU <i>(trên đồng/ kỳ học)</i>
1	Quản trị kinh doanh (Liên kết Đài Loan)	7340101 LKDTNN-02	A00 - A01 - C01 - C03 - C04 - D01 - D07	4 năm (3 kỳ/năm tại DNU)	50	14,5
2	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Liên kết Đài Loan)	7810103 LKDTNN	C00 - C03 - C04 - D01 - D14 - D15 - X01	4 năm (3 kỳ/năm tại DNU)	50	14,5
3	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Liên kết Đài Loan)	7510605 LKDTNN	A00 - A01 - C01 - C03 - C04 - D01 - X26	4 năm (3 kỳ/năm tại DNU)	50	14,5
4	Công nghệ thông tin (Liên kết Đài Loan)	7480201 LKDTNN	A00 - A01 - C01 - D01 - D07 - X06 - X26	4 năm (3 kỳ/năm tại DNU)	60	11,9
5	Công nghệ bán dẫn (Liên kết Đài Loan)	7510303 LKDTNN	A00 - A01 - A10 - C01 - D01 - D07 - X05	4 năm (3 kỳ/năm tại DNU)	220	12,9
6	Công nghệ bán dẫn (Liên kết Hàn Quốc)	7510303 LKDTNN-02	A00 - A01 - A10 - C01 - D01 - D07 - X05	4 năm (3 kỳ/năm tại DNU)	100	12,9

LƯU Ý: • Học phí được thu theo từng học kỳ (mỗi năm học có 3 học kỳ). Mức học phí giữ nguyên trong toàn khóa học.

DANH SÁCH TỔ HỢP MÔN

A00 (Toán, Lý, Hóa), A01 (Toán, Lý, Anh), A10 (Toán, Lý, GDCD), A11 (Toán, Hóa, GDCD), B00 (Toán, Hóa, Sinh), B03 (Toán, Văn, Sinh), B04 (Toán, Sinh, GDCD), B08 (Toán, Sinh, Anh), C00 (Văn, Sử, Địa), C01 (Toán, Lý, Văn), C02 (Toán, Văn, Hóa), C03 (Toán, Văn, Sử), C04 (Toán, Văn, Địa), C14 (Toán, Văn, GDCD), D01 (Toán, Văn, Anh), D04 (Toán, Văn, Tiếng Trung), D06 (Toán, Văn, Tiếng Nhật), D07 (Toán, Hóa, Anh), D14 (Văn, Sử, Anh), D15 (Văn, Địa, Anh), D66 (Văn, GDCD, Anh), DD2 (Toán, Văn, Tiếng Hàn), V00 (Toán, Lý, Văn), H01 (Toán, Văn, Văn), X01 (Toán, Văn, GDKT&PL), X05 (Toán, Lý, GDKT&PL), X06 (Toán, Lý, Tin), X09 (Toán, Hóa, GD&PL), X10 (Toán, Hóa, Tin), X13 (Toán, Sinh, GDKT&PL), X26 (Toán, Tin, Anh), X78 (Văn, GDKT&PL, Anh), X79 (Văn, Tin, Anh).

8. Hồ sơ đăng ký xét tuyển

Đối với phương thức 1: Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT 2025

Thí sinh đăng ký nguyện vọng xét tuyển (số lượng không hạn chế) vào Trường theo quy định chung của Bộ GD&ĐT về công tác tuyển sinh đại học năm 2025. Sau khi trúng tuyển, Trường gửi giấy báo nhập học với các giấy tờ cụ thể cần nộp.

Đối với phương thức 2: Xét tuyển học bạ lớp 12 THPT

- 01 Bản photo công chứng Học bạ THPT/GDTX đủ 3 năm học.
- 01 Bản photo công chứng căn cước công dân (hai mặt).
- 01 Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của Đại học Đại Nam.
- 01 Bản photo công chứng bằng tốt nghiệp THPT (Chỉ áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2025).
- Lệ phí xét tuyển: 50.000đ/hồ sơ

Đối với phương thức 3: Xét tuyển thẳng

- 01 Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển;
- 01 Bản photo công chứng Giấy chứng nhận đoạt giải trong các kỳ thi (nếu có) hoặc Giấy xác nhận là thành viên chính thức của đội tuyển tham dự các kỳ thi (nếu có).
- 01 Bản photo công chứng Học bạ THPT/GDTX đủ 3 năm học.
- 01 Bản photo công chứng căn cước công dân (hai mặt).
- 01 Bản photo công chứng bằng tốt nghiệp THPT (Chỉ áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2025).
- Lệ phí xét tuyển: 50.000đ/hồ sơ

9. Thời gian nhận hồ sơ đăng ký và lệ phí xét tuyển

Trường Đại học Đại Nam sẽ tổ chức tuyển sinh nhiều đợt/năm, dự kiến như sau:

- Nhận hồ sơ xét tuyển học bạ: từ ngày ra thông tin tuyển sinh.
- Đợt xét tuyển tất cả các phương thức theo quy định chung của Bộ GD&ĐT: theo kế hoạch của Bộ GD&ĐT.
- Đợt xét tuyển bổ sung: Trường sẽ công bố cụ thể sau khi kết thúc đợt tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT.

Lệ phí xét tuyển:

- Lệ phí xét tuyển: 50.000đ/hồ sơ.
- Lệ phí đăng ký trên hệ thống Tuyển sinh chung của Bộ: Theo quy định chung của Bộ GD&ĐT.

10. Hình thức đăng ký xét tuyển và nhận hồ sơ xét tuyển

- Đợt xét tuyển tất cả các phương thức theo quy định chung của Bộ GD&ĐT: Tất cả các thí sinh đăng ký nguyện vọng trên cổng thông tin chung của Bộ GD&ĐT.
- Các đợt khác: Thí sinh thực hiện 3 bước:

Bước 1: Đăng ký xét tuyển online tại: <https://xettuyen.dainam.edu.vn/>

Bước 2: Điền hồ sơ online tại: <https://hosoxettuyen.dainam.edu.vn/>

Bước 3: Gửi hồ sơ bản cứng theo quy định về Trường Đại học Đại Nam:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc chuyển phát nhanh qua bưu điện về địa chỉ: Phòng Tuyển sinh - Trường Đại học Đại Nam, Số 1 Phố Xóm, Phú Lâm, Hà Đông, Hà Nội.

Hotline: 0931 595 599/ 0961 595 599/ 0971 595 599.

Thông tin liên hệ

Phòng Tuyển sinh – Trường Đại học Đại Nam

Địa chỉ: Phòng 105, Tòa Central Building – Số 01 Phố Xóm, Phú Lâm, Hà Đông, Hà Nội.

- Gọi hotlines: 0961595599 / 0931595599 / 0971595599
- Gửi tin nhắn Zalo: 0961595599 / 0931595599 / 0971595599
- Inbox Fanpage Đại Học Đại Nam: <https://www.facebook.com/DAINAM.EDU.VN/>
- Inbox Fanpage Tuyển Sinh Đại Học Đại Nam: <https://www.facebook.com/TuyenSinhDaiNam/>